

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-09-2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hưng

2. Ông Hoàng Việt Oanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị L– sinh năm: 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

-Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng P– sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 62 D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Tôi và ông Trịnh Hoàng P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/5/2016, sống chung có con trước khi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông P nghiện hút ma túy, nhiều lần đánh đập tôi tàn nhẫn. Vào tháng 11 năm 2019 tôi bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly

thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông P.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung: Cháu Trần Trịnh Ngọc Đ; sinh ngày 24/4/2012 và cháu Trịnh Thị Nhã U; sinh ngày 28/12/2015.

Cháu Đ hiện đang ở với ông P và bà Nội tại địa chỉ: 62 D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk còn cháu U đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu U đến tuổi thành niên còn tôi đồng ý giao cháu Đ cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Trịnh Hoàng P: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông P không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Trịnh Hoàng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Trịnh Hoàng P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Trịnh Hoàng P nhưng ông P không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Trần Thị L lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Trịnh Hoàng P cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông P và bà L có xảy ra mâu thuẫn, nên bà L dẫn con về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn ông P đang sinh sống tại 62 D, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Trịnh Hoàng P tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/5/2016 là hoàn toàn tự

nguyên nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau bà L, ông P đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy bà Trần Thị L và ông Trịnh Hoàng P sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của Trần Thị L và cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Trịnh Hoàng P.

-Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Trịnh Hoàng P có 02 con chung cháu Trần Trịnh Ngọc Đ; sinh ngày 24/4/2012 và cháu Trịnh Thị Nhã U; sinh ngày 28/12/2015. Khi ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi cháu U đến tuổi thành niên còn bà L đồng ý giao cháu Đ cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Xét nguyện vọng của bà L là chính đáng vì từ khi ly thân cháu U ở cùng bà L còn cháu Đ ở với ông P nên cần giao cháu Trịnh Thị Nhã U; sinh ngày 28/12/2015 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành và giao cháu Trần Trịnh Ngọc Đ; sinh ngày 24/4/2012 cho ông Trịnh Hoàng P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L tự thỏa thuận với ông P và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị L được ly hôn với ông Trịnh Hoàng P.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Nhã U; sinh ngày: 28/12/2015 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (18 tuổi) và giao cháu Trần Trịnh Ngọc Đ; sinh ngày 24/4/2012 cho ông Trịnh Hoàng P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Bà Trần Thị L và ông Trịnh Hoàng P được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L tự thỏa thuận với ông P và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0007463 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột. Ông Trịnh Hoàng P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Quảng Tiến, h.Cư Mgar,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ